

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14-8-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiệp

Bà Đào Đức Cẩm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 14-8-2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số thụ lý số: 97/2025/TLST-HNGĐ ngày 6 tháng 5 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17-7-2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hiếu N, sinh ngày 6-6-2000; địa chỉ nơi cư trú: Ấp C, phường X, thành phố Cần Thơ (cũ là ấp C, thị trấn M, huyện X, tỉnh Sóc Trăng). (Vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Chí L, sinh ngày 8-02-1990; địa chỉ nơi cư trú: Ấp C, phường X, thành phố Cần Thơ (cũ là ấp C, thị trấn M, huyện X, tỉnh Sóc Trăng). (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-4-2025, đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt đề ngày 23-6-2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Hiếu N trình bày cho rằng sau thời gian quen biết, tìm hiểu, năm 2019, Bà Nguyễn Thị Hiếu N và Ông Nguyễn Chí L tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Bạc Liêu (số 04/2019 ngày 23-01-2019). Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên bất đồng ý kiến, mâu thuẫn trên giữa Bà Nguyễn Thị Hiếu N và Ông Nguyễn Chí L không ai biết, tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, Bà Nguyễn Thị Hiếu N yêu cầu xin ly hôn với Ông Nguyễn Chí L. Về con chung giữa Bà Nguyễn Thị Hiếu N và Ông

Nguyễn Chí L có hai con chung tên Nguyễn Minh T (sinh ngày 23-3-2017) và Nguyễn Minh K (sinh ngày 22-10-2023) đang sống cùng Bà Nguyễn Thị Hiếu N tại ấp C, phường X, thành phố Cần Thơ; khi ly hôn Bà Nguyễn Thị Hiếu N đồng ý giao con chung Nguyễn Minh T cho Ông Nguyễn Chí L trực tiếp nuôi dưỡng, Bà Nguyễn Thị Hiếu N không phải cấp dưỡng cho con chung; Bà Nguyễn Thị Hiếu N đồng ý tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh K và không yêu cầu Ông Nguyễn Chí L cấp dưỡng cho con chung. Tài sản chung, nợ chung giữa Bà Nguyễn Thị Hiếu N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng sau khi ly hôn Bà Nguyễn Thị Hiếu N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, Bà Nguyễn Thị Hiếu N yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bà theo quy định pháp luật.

Bị đơn Ông Nguyễn Chí L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, Bà Nguyễn Thị Hiếu N vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Ông Nguyễn Chí L vắng mặt không có lý do; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân cho Bà Nguyễn Thị Hiếu N được ly hôn với Ông Nguyễn Chí L; về con chung, giao cháu Nguyễn Minh T cho Ông Nguyễn Chí L trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, giao cháu Nguyễn Minh K cho Bà Nguyễn Thị Hiếu N tục trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi; dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho Bà Nguyễn Thị Hiếu N và Ông Nguyễn Chí L không ai được quyền ngăn cản; về cấp dưỡng cho con chung, tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét; tuyên án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Hiếu N là vụ án hôn nhân và gia đình về “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), khoản 14 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bị đơn Ông Nguyễn Chí L cư trú Ấp C, phường X, thành phố Cần Thơ (cũ là ấp C, thị trấn M, huyện X, tỉnh Sóc Trăng) nên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ (kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng cũ) thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Tại phiên tòa, Bà Nguyễn Thị Hiếu N vắng

mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, Ông Nguyễn Chí L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hiếu N và Ông Nguyễn Chí L kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2019 ngày 23-01-2019 là hôn nhân hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo Bà Nguyễn Thị Hiếu N trình bày vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để đương sự gặp gỡ hòa giải các mâu thuẫn, đoàn tụ nhưng Bà Nguyễn Thị Hiếu N vẫn kiên quyết xin ly hôn; Ông Nguyễn Chí L nhận văn bản tố tụng thông báo về yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Hiếu N đối với ông nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; qua xác minh địa phương Ấp C, phường X, thành phố Cần Thơ không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn ly hôn giữa Bà Nguyễn Thị Hiếu N và Ông Nguyễn Chí L. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình... theo quy định tại Điều 17 - Điều 23 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, Bà Nguyễn Thị Hiếu N và Ông Nguyễn Chí L mỗi người tự sống cuộc sống riêng, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình... là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Xét Bà Nguyễn Thị Hiếu N yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hiếu N trình bày giữa Bà Nguyễn Thị Hiếu N và Ông Nguyễn Chí L có hai con chung tên Nguyễn Minh T (sinh ngày 23-3-2017) và Nguyễn Minh K (sinh ngày 22-10-2023) đang sống cùng Bà Nguyễn Thị Hiếu N tại ấp C, phường X, thành phố Cần Thơ; khi ly hôn Bà Nguyễn Thị Hiếu N đồng ý giao con chung Nguyễn Minh T cho Ông Nguyễn Chí L trực tiếp nuôi dưỡng, Bà Nguyễn Thị Hiếu N không phải cấp dưỡng cho con chung; Bà Nguyễn Thị Hiếu N đồng ý tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh K và không yêu cầu Ông Nguyễn Chí L cấp dưỡng cho con chung; Ông Nguyễn Chí L không có ý kiến gì về vấn đề con chung gửi đến Tòa án; qua nguyện vọng của cháu Nguyễn Minh T muốn tiếp tục sống cùng cha ruột là Ông Nguyễn

Chí L; qua xác minh địa phương Ấp C, phường X, thành phố Cần Thơ không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn tranh chấp nuôi con giữa Bà Nguyễn Thị Hiếu N và Ông Nguyễn Chí L. Xét thấy, để tránh xáo trộn cuộc sống hàng ngày của Bà Nguyễn Thị Hiếu N, Ông Nguyễn Chí L và các con chung, cần giao cháu Nguyễn Minh T cho Ông Nguyễn Chí L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Minh K cho Bà Nguyễn Thị Hiếu N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo tốt nhất sự phát triển của các cháu trong thời điểm hiện tại, phù hợp với điều kiện, nguyện vọng của Bà Nguyễn Thị Hiếu N, Ông Nguyễn Chí L, cháu Nguyễn Minh T và đúng theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà Nguyễn Thị Hiếu N và Ông Nguyễn Chí L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà Nguyễn Thị Hiếu N không yêu cầu về cấp dưỡng cho con chung; Ông Nguyễn Chí L không có ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hiếu N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết; Ông Nguyễn Chí L không có ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng sau khi ly hôn: Bà Nguyễn Thị Hiếu N không yêu cầu Tòa án giải quyết; Ông Nguyễn Chí L không có ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Bà Nguyễn Thị Hiếu N phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 14 Điều 3, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Hiếu N với bị đơn Ông Nguyễn Chí L:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hiếu N được ly hôn với Ông Nguyễn Chí L (Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2019 ngày 23-01-2019 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Bạc Liêu {nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Cà Mau}).

- Về con chung:

+ Giao cháu Nguyễn Minh T (sinh ngày 23-3-2017) cho Ông Nguyễn Chí L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đã thành niên; Bà Nguyễn Thị Hiếu N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

+ Tiếp tục giao cháu Nguyễn Minh K (sinh ngày 22-10-2023) cho Bà Nguyễn Thị Hiếu N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đã thành niên; Ông Nguyễn Chí L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng cho con chung: Bà Nguyễn Thị Hiếu N không yêu cầu; Ông Nguyễn Chí L không có ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hiếu N không yêu cầu Tòa án giải quyết; Ông Nguyễn Chí L không có ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng sau khi ly hôn: Bà Nguyễn Thị Hiếu N không yêu cầu Tòa án giải quyết; Ông Nguyễn Chí L không có ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Bà Nguyễn Thị Hiếu N phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001688 ngày 17-3-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Sóc Trăng (nay là Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ {khu vực 8}).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 8-Cần Thơ;
- **THADS** TPCT (khu vực 8);
- UBND xã/phường đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA***(Đã ký)***Trần Thị Kim Nhân**